

Số: **1071/2022/QĐST-HNGĐ**

*Tân Phú, ngày 22 tháng 9 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG N THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 904/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 về việc yêu cầu công N thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Võ Văn N, sinh năm 1982; HKTT: Số 12 đường X, tổ 3, ấp 4, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Ngụ tại: Số 414 Lô A, chung cư T, đường C, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1984; HKTT và ngụ tại: Số 12 đường X, tổ 3, ấp 4, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 9 năm 2022, ông Võ Văn N và bà Trần Thị Ngọc T thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về các vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung.

[2] Xét việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công N thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Ông Võ Văn N và bà Trần Thị Ngọc T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyền số 01, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Q cấp cho ông Võ Văn N và bà Trần Thị Ngọc T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

**Về con chung:** Hai bên khai nhận vợ chồng có hai người con chung là Võ Tấn T, sinh ngày 05/5/2006 và Võ Tấn V, sinh ngày 01/10/2009. Giao cả hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con lần lượt trưởng thành. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 10/2022.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

#### **Về quan hệ tài sản:**

- Về tài sản chung: Hai bên yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do ông Võ Văn N và bà Trần Thị Ngọc T tự nguyện chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do ông N và bà T đã nộp theo biên lai số AA/2021/0036082 ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q.Tân Phú;
- UBND xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thành).

**THẨM PHÁN**

**Đinh Thị Hương**